

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh;

Bà Mai Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 3 (nay là thôn Đ), xã Th, huyện N, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 6, xã N Th, huyện N, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt anh T; vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn ngày 01/10/1993, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N Th, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô T thường xuyên bỏ nhà đi rồi lại về, không tập trung lo cho gia đình, con cái. Anh đã nhiều lần khuyên bảo, cho cô T nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng cô T không chịu sửa chữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh đã hai lần nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với cô T, nhưng vì nhiều lý do anh lại rút đơn. Nay xét thấy không còn níu kéo được nữa, nên anh tiếp tục làm đơn yêu cầu ly hôn cô T.

Về con: Vợ chồng có 04 con chung tên là Phạm Văn Đ - sinh ngày 28/5/1995; Phạm Đức Tr - sinh ngày 17/4/1997; Phạm Ngọc Đ- sinh ngày 19/3/2004 và Phạm Gia Bảo - sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay, cháu Đ và cháu Tr đã đến tuổi trưởng thành, còn cháu Đ và cháu B đang ở với cô T. Nếu ly hôn anh đề nghị cô T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu B; anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Ý kiến của chị Bùi Thị T:

- Về hôn nhân: Như ý kiến anh T trình bày là đúng, nhưng về mâu thuẫn một phần cũng do anh T bỏ bê vợ con, không có trách nhiệm, bỏ nhà đi thỉnh thoảng mới về, gần đây bỏ đi hẳn. Vì vậy, chị xét thấy tình cảm không níu giữ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con: Vợ chồng có 04 con chung như anh T trình bày là đúng, hiện nay, cháu Đ và cháu Tr đã đến tuổi trưởng thành, còn cháu Đ và cháu B, nếu ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi mỗi cháu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị T đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và viết bản tự khai. Nhưng khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, chị T đều vắng mặt, nên chỉ tiến hành phiên họp đối với anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2019, Thôn trưởng thôn Đ, xã Th cho biết: Anh T và chị T kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, vợ chồng sống ở quê chồng (xã Th), đến năm 1996 chuyển về quê vợ (xã Th) sinh sống. Vợ chồng mâu thuẫn đã lâu nên anh T hay trở về nhà bố mẹ đẻ ở, về con cái; anh chị ấy có 04 con chung với nhau.

Thôn trưởng thôn 6, xã Th cho biết: Chị T và anh T khi cưới nhau làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N Th. Vợ chồng sống ở xã N Th, nhưng mâu thuẫn đã lâu và anh T phải về quê xã Th để ở, đến nay mẹ con chị T vẫn ở quê xã N Th, nhưng cứ thỉnh thoảng chị T lại đưa hai đứa con còn nhỏ đi, rồi lại về, không biết đi đâu, làm gì, nhà cửa vẫn còn ở quê. Về con, thì anh T và chị T có 04 con chung, hai cháu đầu đã lớn và sống tự lập, còn hai cháu về sau đang ở với chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm văn T, cho anh T được ly hôn chị T; về con: Giao cháu Phạm Ngọc Đ- sinh ngày 19/3/2004 và Phạm Gia B - sinh ngày 27/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng dân sự:** Anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Bùi Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 07/01/2020, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] **Về hôn nhân:** Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Th, huyện N, tỉnh T vào ngày 01/10/1993 là hôn nhân hợp pháp. Nhưng do chị T không tu chí làm ăn, hay bỏ nhà đi rồi lại về, không tập trung lo cho gia đình và con cái. Anh T đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không chịu sửa chữa. Anh T đã hai lần nộp đơn ra Tòa án để ly hôn với chị T, nhưng anh đã rút đơn về để tạo cơ hội cho chị T sửa sai, nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T thực sự không còn, nên xử cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[3] **Về con:** Anh T và chị T có 04 con chung tên là Phạm Văn Đ - sinh ngày 28/5/1995; Phạm Đức Tr - sinh ngày 17/4/1997; Phạm Ngọc Đ- sinh ngày 19/3/2004 và Phạm Gia B - sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay, cháu Đ và cháu Tr đã trưởng thành, các cháu đã sống tự lập. Còn hai cháu Đ và B kể từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay các cháu thường xuyên ở với mẹ, nguyện vọng của cháu là nếu bố mẹ cháu ly hôn, được ở với mẹ. Xét phù hợp với nguyện vọng của các cháu và thực tế. Nên giao hai cháu Đ và B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp.

[4] **Về tài sản:** Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] **Về án phí:** Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T, cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. **Về con:** Giao cháu Phạm Ngọc Đ- sinh ngày 19/3/2004 và Phạm Gia B - sinh ngày 27/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ, hai

cháu là 2.000.(hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2020 đến khi cháu Ngọc Đ và Gia B đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. **Về án phí:** Anh Phạm Văn T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0005961 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã N Th, huyện
N, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thu

